TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163 /2023/DS-PT
Ngày 13– 4 – 2023
V/v:*"Tranh chấp quyền sử dụng đất, thừa kế quyền sử dụng đất".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Ông Lê Hồng Nước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 10 và ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, thừa kế quyền sử dụng đất ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số /2022/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 304/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị Mỹ L, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Khóm AA, Phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn:

2.1. Lê Thị M, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: số C, tổ 20, ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Võ Văn D, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: tổ Đ, ấp M, xã Phú Đ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Võ Thị Th- Văn phòng Luật sư Xuân H – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1988.

3.2. Võ Văn D, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Võ Công D, sinh năm 1991. (con bà L)

3.4. Võ Y Ph, sinh năm 1994.

3.5. Võ Triệu G, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Khóm A, Phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3.6. Võ Ngọc S (Võ Thị Ngọc S), sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp Q, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Trương Thị T, sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Võ Thị Hải Y, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3.9. Trần Văn M, sinh năm 1970.

3.10. Nguyễn Văn T, sinh năm 1941.

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã P, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3.11. Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Q, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện.

3.12. Ngân hàng Nông nghiệp V, chi nhánh huyện Tháp Mười.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Ph, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Khóm NV, thị trấn M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3.13. Võ Văn B, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3.14. Võ Thị H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3.15. Võ Thị Hải L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3.16. Võ Thị Hải Nh, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp MH, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3.17. Võ Thị Hải H (Võ Thị Hải V), sinh năm 1990.

3.18. Võ Thị Tố Q, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

3.19. Trần Văn K, sinh năm 1974.

3.20. Huỳnh Thị Bé T, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã Ph, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Võ Văn D .

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ L trình bày:

Cha chồng của bà là cụ Võ Văn D và cụ Nguyễn Thị B, cư ngụ tại ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; cha và mẹ chồng sinh được bốn người

con gồm: Ông Võ Văn M, Võ Văn D, Võ Văn D và Võ Thị Ngọc S. Ba chồng bà chia đều cho bốn người con người mỗi phần đất, trong đó có chồng bà là Võ Văn M, hưởng một phần (chiều ngang 7m, chiều dài khoảng 58m) với diện tích là 400m^2 (cái ao), thuộc thửa 347, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.625m^2, đất tọa lạc tại ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (nhưng chưa làm thủ tục tặng cho), nhưng trong dòng họ và cặp ranh ai cũng biết.

Lúc trước do vợ chồng bà đi làm ăn xa, nên cũng không canh tác với lại phần đất chủ yếu là một cái ao nên cũng không làm được gì, nhưng hằng năm gia đình bà có tới lui phần đất trên và thăm viếng cha mẹ chồng. Gia đình bà dự định khi nào có tiền thì bơm cát để cất nhà ở, vì hiện tại gia đình bà đang ở nhà thuê . Đến năm 2018, chồng bà là Võ Văn M đột ngột qua đời do bệnh, nên gia đình bà đem ông M về phần đất cha, mẹ chồng để an táng. Đến năm 2018 gia đình bà mới bơm cát chuẩn bị làm nhà mồ cho ông M, thì lúc này ông Võ Văn D (em ruột ông M) ra ngăn cản không cho gia đình bà bơm cát xây nhà mồ, với lý do ông nói phần đất trên cái ao đó là của ông Võ Văn D. Hiện nay, gia đình bà không thể làm nhà mồ cho cha mẹ chồng và ông M được.

Nay bà Linh kiện yêu cầu buộc bà Lê Thị M, ông Võ Văn D, Võ Văn D cùng trả lại cho bà phần đất chiều ngang khoảng 7m chiều dài 58m (là một cái ao), thuộc một phần thửa 347, tờ bản đồ số 07, diện tích 2.625m^2; đất tọa lạc tại ấp M, xã P; để bà đi đăng ký để được đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, bà còn yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật tại thửa đất 348, bà yêu cầu nhận diện tích đất 580m^2; đất tọa lạc tại ấp M, xã P, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp, nếu phần đất thửa 348 là di sản thừa kế.

- Bị đơn ông Võ Văn D trình bày:

Lúc sinh thời khi cụ B, cụ D còn sống thì chỉ chia đất cho ông D và ông D. Theo Tờ di chúc vào năm 1998, chỉ chia đất ở, còn đất ruộng chưa chia. Phần đất được chia ông đã sử dụng và cất nhà ở từ năm 1990; trên phần đất này thì có nhà của cha mẹ ông và ông D; còn ông M không có ở và không có sử dụng đất này.

Đến năm 2018, ông M chết ông D kêu vợ con ông M đem ông M về chôn trên phần đất này. Khi ông Mcòn sống ông M mkhông có yêu cầu chia đất của cha mẹ ông chết để lại (ngay cái ao) và chính quyền địa phương cũng không có giải quyết tranh chấp giữa ông D với ông M về việc tranh chấp đất. Hiện nay phần đất tranh chấp bà Lê Thị M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/9/2001, nhưng đã bị Nhà nước thu hồi một phần, lý do năm 2007 ông khiếu nại việc bà M đứng trên trên phần đất ông sử dụng, nên năm 2012 Nhà nước thu hồi thửa 347.

Nay, ông yêu cầu giải quyết được đứng tên quyền sử dụng đất theo Tờ di chúc mà cụ B và cụ Dchết để lại ngang 18,75m x dài 21m. Không đồng ý theo yêu cầu của bà Li là vợ của ông M. Ông D không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất còn lại của thửa 347. Ngoài ra, ông D yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật tại thửa 348 (hiện bà Lê Thị M đang đứng tên) ông D yêu cầu nhận đất tiếp giáp với phần nhà của ông đang sử dụng và yêu cầu nhận phần của ông Ph.

- Bị đơn bà Lê Thị M trình bày:

Bà là dâu của cụ B, cụ D, là vợ của ông Võ Văn D; phần đất đang tranh chấp khi còn sống thì cụ B, cụ D chia cho 04 người con mỗi người một phần đất ở thuộc thửa 347 (hiện phần đất này do bà đứng tên ngày 11/9/2001). Lý do bà đứng tên vì cha, mẹ chồng sợ ông D sẽ bán đất.

Việc phân chia đất này các anh chị em trong gia đình đều biết gồm: Ông Võ Văn M, Võ Văn D, Võ Văn D, Võ Thị Ngọc S, Đoàn Việt H (chồng bà S) Võ Văn B (cháu nội). Phần đất thổ này được chia 4 phần vị trí Từ ranh ông T chia xuống lần lượt là ông D, ông M, ông D đến bà S mỗi phần bằng nhau. Đến năm 2010 thì chia đất lại có sự chứng kiến của chính quyền ấp M là ông Nguyễn Văn Th, ông Dương Tấn T, phía gia đình gồm: bà M, ông D, ông D, bà S và ông Đoàn Việt H (chồng bà S). Do không có ông M dự, nên ông D xin đứng tên luôn phần đất của ông M, khi nào ông M về thì giao lại, nhưng ông D, bà M không đồng ý.

Năm 2011, anh M về quê để cất nhà ở thì ông D không đồng ý; ông M có trình báo Ban nhân dân ấp sự việc. Sau này ông M qua đời thì vợ con ông M tranh chấp, về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đứng tên khi tranh chấp bà mới biết giấy đất thửa 347 bị thu hồi. Theo yêu cầu của gia đình bà Mỹ L thì bà thống nhất vì đất này cha mẹ chồng đã có cho anh M; vợ chồng bà thống nhất chia phần đất thửa 347 của cha mẹ chết để lại cho bốn anh em. Trong đó phần đất có mộ cụ B, cụ D và ông M thì giao cho bà quản lý; còn theo ý kiến yêu cầu của ông Võ Văn D thì bà không đồng ý.

Ngoài ra, bà yêu cầu công nhận phần đất thửa 348 (hiện bà đang đứng tên) là đất của vợ chồng bà, do vợ chồng bà được ông Võ Văn L (Mười B R) cho vào năm 1987. Trường hợp, xem xét phần đất thửa 348 là di sản thì bà yêu cầu nhận một phần di sản và có xem xét công sức của bà, để vợ chồng bà nhận đất và trả giá trị các các đồng thừa kế.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D trình bày:

Thống nhất theo ý kiến của bà M, phần đất tranh chấp là phần của anh M, nên ông thống nhất tách cho vợ con ông M, để cất nhà ở, vì hiện nay vợ và con

anh M phải ở nhà thuê. Việc ông D xuất trình Tờ di chúc ngày 22/01/1998, có chia đất cho ông D thì ông không thống nhất, vì không biết di chúc này. Cụ D, cụ B không có làm di chúc để chia đất cho riêng ông D, ông D mà chia đất cho bốn người con; nên không yêu cầu chia theo di chúc.

Ông thống nhất chia phần đất tại thửa 347 của cha mẹ chết để lại cho bốn người gồm ông D, ông M (bà Phạm Thị Mỹ L nhận đất), ông Di và bà M, bà S. Phần đất có mộ cụ B, cụ D và ông M thì giao cho ông quản lý; còn theo ý kiến yêu cầu của ông D thì không đồng ý.

Ông thống nhất theo ý kiến của bà M yêu cầu công nhận phần đất thửa 348.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ngọc S trình bày:

Bà là con gái của ông Võ Văn D, bà Nguyễn Thị B; về nguồn gốc đất thì thửa 348 có nguồn gốc là của ông Mười Bằng R, tên thật là Võ Văn L quê tại Bình T, là anh rễ của ông Nguyễn Văn T.

Thời gian trước ông L về sống chung với ông T ở xã Ph, nên sang nhượng một dây đất hoang của bà Bảy Ph khoảng 16 công. Do là đất hoang nên ông L chỉ khai phá một phần đất phía bên kinh 5, còn một phần đất sát với đất thổ cư của cha tôi là khoảng 6 công (trong 6 công có một phần vợ chồng ông D, bà M hiện đang đứng tên) thì ông L cho vợ chồng ông D, bà M mượn khai phá làm lúa hai vụ. Sau đó vài năm ông L về quê ở Ninh T sinh sống. Thời gian sau ông L quay trở về và cùng ông T đã lấy lại một nửa khuôn đất là 3 công trong diện tích 6 công đất mà ông D, bà M khai hoang; phần 3 công còn lại ông L đã tự nguyện cho vợ chồng ông D, bà M là để trả công vợ chồng ông Dp, bà M có công khai mở, trang sửa đất cho ông Lố.

Diện tích 3 công đất này ông Diệp, bà Mai canh tác từ trước đến nay mà không ai tranh chấp theo giấy đất là thửa 348, tờ bản đồ số 7 hiện do bà Lê Thị Mai đang đứng tên; còn 3 công còn lại thì ông Lố, ông Túc bán lại cho ông Trần Văn Quay (hiện đang canh tác cặp ranh đất).

Sau này bà M đi kê khai đăng ký thì đăng ký chung một bằng khoán gồm đất của cụ B, cụ D và đất của bà M, ông D chung một bằng khoán đất. Nay bà yêu cầu, nếu xét thửa 348 bà M đang đứng tên là di sản thì bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và được hưởng 1/5 diện tích thửa đất diện tích là 580m^2 theo giá Nhà nước quy định; đối với thửa đất 347, tờ bản đồ số 7, bà yêu cầu được chia một phần đất ngang 7m x dài từ mé sông đến ruộng ông D; đất tọa lạc tại ấp M, xã Ph.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Cẩm T, Võ Công D, Võ Y Phvà Võ Triệu Gi trình bày:

Thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của bà Phạm Thị Mỹ L, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị T, Võ Thị Hải Y, Võ Thị Hải L,Võ Thị Hải Nh, Võ Thị Hải H(Võ Thị Hải V), Võ Thị Tố Q trình bày:

Thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của ông Võ Văn D, ngoài ra không có yêu cầu và ý kiến gì khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn B trình bày:

Anh là con của ông Võ Văn X là anh của ông D, ông M, ông D và bà S; từ nhỏ anh đã biết phần đất thửa 347 là của ông, bà nội sử dụng để cất nhà ở; trên phần đất này có nhà ông D và nhà ông bà nội.

Đất này anh biết là chia cho bốn người gồm: Ông D, ông M, ông D và bà S. Khi ông nội là cụ D còn sống (năm nào thì không nhớ) thì ông nội anh có cầm cây (cây dài khoản 2m) đo đất để chia đất cho các chú và cô anh. Anh là người cầm ranh cho việc đo đất, ông nội anh chia đất như sau: đầu tiên đo từ ông Mười T đo đến mí bờ là đất ông D (vì lúc này có nhà ông D), còn cái hầm cho ông M, phần kế tiếp là cho ông D, phần còn lại là cho bà S. Ngoài ra, anh còn biết có việc ông Th, ông T (đại diện cho Ban nhân dân ấp) đến hòa giải thành và có lập biên bản, tại buổi hòa giải các cô chú anh cũng không nhất phần cái hầm là thuộc về đất của ông M, giống như ông nội anh chia lúc trước. Cho nên, theo anh việc bà L (vợ ông M yêu cầu phần đất là cái hầm hiện nay) là đúng; đối với thửa 347 anh không yêu cầu chia phần đất nào của ông, bà nội chế để lại.

Còn đối với thửa 348 phần đất ruộng, có nguồn gốc là của Võ Văn L (Mười Bằng R) ở tại Bình Thuận cho vợ chồng chú D, thím M khuôn đất phía sau đất thổ cư của ông bà nội anh khoảng 3 công hiện nay là thửa 348 đúng như lời chú thiếm là ông D, bà M trình bày. Phần 3 công tiếp giáp thì ông L, ông T bán lại cho ông Trần Văn Q (đã chết, nay vợ là bà Á) canh tác. Cho nên, phần đất thửa 348 là của ông D, bà M; không phải là đất của ông nội anh. Trường hợp xác định phần đất này là di sản thì anh yêu cầu chia 1/5 có diện tích là 580m^2 và nhận giá trị theo giá Nhà nước.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị H trình bày:

Chị là con của ông Võ Văn X; em của anh Võ Văn B. Chị thống nhất theo ý kiến của anh B, chị không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn M trình bày:

Phần đất của anh tiếp giáp với phần đất tại thửa 347 và thửa 348; trong qua trình đo đạc thì anh không xác định ranh. Nhưng sau đó anh thống nhất ranh và không có yêu cầu xác định ranh đất giữa đất của anh với phần đất hiện nay các đương sự đang tranh chấp. Ngoài ra anh không có yêu cầu, ý kiến gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Tranh chấp của các con cụ D, cụ B, thì phần đất của ông tiếp giáp với phần đất của ông D đang sử dụng đã thống nhất ranh, nên không tranh chấp ranh trong vụ án này.

Đối với nguồn gốc đất ruộng thửa 348: Vào năm 1975 gia đình ông D về miếng vườn hiện nay để cất nhà ở, gia đình không có ruộng. Đến năm 1981 anh rễ của ông là ông Mười Bằng R, tên là Võ Văn L ở Bình Thuận về ở với ông ở ấp M, xã Phn. Năm 1981 ông L có sang một dây đất của bà Bảy Ph là 16 công đất hoang để khai phá làm lúa hai vụ, gia đình ông L khai phá bên kênh 5 khoảng 10 công đất để làm, còn phần đất sát với phần đất của ông D toàn là đất đưng, lát chổ cao và chổ thấp khó làm nên ông L kêu vợ chông chú D, thiếm M cho mượn đất khai phá làm kiếm gạo ăn. Ông T là người đo đất cho mượn này; riêng ông L làm lúa lỗ nên vài năm ông L trở về Bình Thuận. Đến năm 1987 ông L điều trị bệnh tại thành phố Hồ Chí Minh thiếu tiền nên nói chú D, thiếm M lấy lại 3 công đất bán lấy tiền điều trị bệnh, còn lại 3 công ông L cho chú Di, thiếm M do có công sửa đất. Ông L bán 3 công đất là 3 chỉ vàng cho ông Trần Văn Q; ông là người đo đất để chia ra, 3 công bán cho ông Q và 3 công còn lại cho chú D, thiếm M canh tác cho đến nay.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn K và chị Huỳnh Thị Bé Th trình bày:

Phần đất thửa 348 tranh chấp thì anh, chị đang canh tác. Lý do bà M, ông D cố phần đất này cho vợ chồng anh; nay thời hạn cố đã hết khi nào ông D, bà M trả lại vàng cho anh thì anh trả đất. Vợ chồng anh không yêu cầu tranh chấp hợp đồng cố đất trong vụ án này; nếu phần đất này thực hiện chia đất thì vợ chồng anh đồng ý giao đất.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Không có ý kiến và đề nghị được vắng mặt việc giải quyết vụ án. Ủy ban nhân dân H sẽ thực hiện kết quả giải quyết vụ kiện của Tòa án theo bản án có hiệu lực pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và V – chi nhánh Tháp Mười trình bày:

Không tham gia vụ kiện, tranh chấp giữa các đương sự vì việc tranh chấp không ảnh hưởng đến khả năng thu hồi vốn của ngân hàng trong hợp đồng tín dụng với bà M; nên ngân hàng xin được vắng mặt việc giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân các cấp.

*** Bản án dân sự sơ thẩm /2022/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười quyết định:**

Căn cứ Điều 637, 659, 678, 679 Bộ luật dân sự 1995;

Điều 612, 616, 650 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Điều 100, Điều 106, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai;

Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ L, Võ Thị Cẩm T, Võ Công D, Võ Y P và Võ Triệu Gi (là người thừa kế của ông Võ Văn M) về việc yêu cầu được sử dụng và đứng tên diện tích 291,9m^2, thuộc một phần thửa 347, tờ bản đồ số 7, (loại đất LNK); đất tọa lạc tại ấp M, xã Ph, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Trong phạm vi các mốc: Mốc MD- F3-F2- F1-M16-M8-MD.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Võ Văn Dvề việc yêu cầu chia thừa kế tại thửa 347 tờ bản đồ số 7; đất tọa lạc tại ấp M, xã Ph, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Ông Võ Văn D được sử dụng và đứng tên diện tích đất là 453,9m^2; trong phạm vi các mốc: F3-ME-MF-M10-M11-M13-F1-F2-F3 (thuộc một phần thửa 347, tờ bản đồ số 7, loại đất LNK); đất tọa lạc tại ấp M, xã Ph, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Võ Văn D, bà Lê Thị M về việc yêu cầu chia thừa kế tại thửa 347 tờ bản đồ số 7; đất tọa lạc tại ấp M, xã Ph, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Ông Võ Văn D, bà Lê Thị M được sử dụng và cùng

đứng tên diện tích đất là 616,1m^2; trong phạm vi các mốc: MD-M15-M14-F6-F5-F4-MC-MD (thuộc một phần thửa 347, tờ bản đồ số 7, loại đất LNK); đất tọa lạc tại ấp M, xã Ph, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Võ Văn D, bà Lê Thị M được cùng đứng tên phần đất khu mộ diện tích đất là 49,4m^2; trong phạm vi các mốc: M16-F1-M13-M14-M16 (thuộc một phần thửa 347, tờ bản đồ số 7, loại đất LNK); đất tọa lạc tại ấp M, xã Ph, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn D, bà Lê Thị M về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thửa 348, tờ bản đồ số 7, loại đất lúa, diện tích đo đạc thực tế 3.167m^2; đất tọa lạc tại ấp M, xã Ph, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Ngọc S (Võ Ngọc S) về việc yêu cầu chia thừa kế tại thửa 347 tờ bản đồ số 7; đất tọa lạc tại ấp M, xã Ph, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Bà Võ Thị Ngọc S (Võ Ngọc S) được sử dụng và đứng tên diện tích đất là 341,6m^2; trong phạm vi các mốc: MA-MB-F4-F5-F6-M1-M2-M3-M5-MA (thuộc một phần thửa 347, tờ bản đồ số 7, loại đất LNK); đất tọa lạc tại ấp M, xã Ph, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn D về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc tại thửa 347, tờ bản đồ số 7, loại đất LNK; đất tọa lạc tại ấp M, xã Ph, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn D về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật (yêu cầu nhận hai phần di sản thừa kế) tại thửa 348, tờ bản đồ số 7, loại đất lúa; đất tọa lạc tại ấp M, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Hiện trạng đất theo Biên bản xem xét, thẩm định ngày 04/3/2020, ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án và Sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc Bảo Long ngày 28/5/2020; Mãnh trích đo địa chính của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc B ngày 01/6/2021; Mãnh trích đo địa chính của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc B ngày 20/01/2022).

Bà Phạm Thị Mỹ L, Võ Thị Cẩm T, Võ Công D, Võ Y Ph và Võ Triệu Gi (là người thừa kế của ông Võ Văn M); ông Võ Văn D; ông Võ Văn D, bà Lê Thị M; bà Võ Thị Ngọc S (Võ Ngọc S) có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với các phần đất diện tích nói trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Võ Văn D, ông Võ Văn D, bà Lê Thị M, bà Phạm Thị Mỹ L, bà Võ Ngọc S được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (do ông Võ Văn D, ông Võ Văn D, bà Lê Thị M, bà Phạm Thị Mỹ L, bà Võ Ngọc S là người cao tuổi).

+ Anh Võ Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 1.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ theo biên lai số 0001776, ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười (do ông Võ Văn D nộp thay).

+ Bà Phạm Thị Mỹ L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 6.372.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ, theo biên lai số 0006970, ngày 02/12/2019; biên lai số 0001769, ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười (do chị Võ Thị Cẩm T nộp thay).

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ:

+ Ông Võ Văn D phải chịu 3.200.000 đồng, tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chổ (đã nộp xong).

+ Ông Võ Văn D, ông Võ Văn D, bà Lê Thị M, bà Phạm Thị Mỹ L, bà Võ Ngọc S cùng phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chổ là 3.343.000 đồng, nhưng do bà L đã nộp tạm ứng và đã chi xong. Nên ông Võ Văn D, ông Võ Văn D, bà Lê Thị M, Võ Thị Ngọc S (Võ Thị Ngọc S) mỗi người phải chịu 836.000 đồng, để trả lại cho bà Phạm Thị Mỹ L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm ông D kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt ông D, Luật sư Th, bà L, bà M, anh D, ông D, anh D, chị Hải Y, ông T, anh B, chị Nh, chị H. Các đương sự có mặt và khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án:

- Ông D trình bày: Không thống nhất với nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm nên kháng cáo yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất. Ông thống nhất diện tích đất tranh chấp đã được đo đạc, về cá trong ao nếu phải giao đất thì ông đồng ý di dời để giao đất.

- Luật sư Th trình bày: Ông D kháng cáo yêu cầu được hưởng ½ diện tích thửa đất 347; yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật thửa 348. Căn cứ vào công văn số 1003/UBND-NC ngày 03/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T cung cấp thông tin về hồ sơ cấp đất lần đầu cho bà M. Biên bản hòa giải xã M khi giải quyết bà M thống nhất sang tên giấy đất cho ông D.

Xác định ông M với bà L không có đăng ký kết hôn nên bà L không có quyền khởi kiện yêu cầu. Không tuyên quyền lợi chị X (con ông M) người cùng

được hưởng thừa kế là không đầy đủ. Diện tích đất ông D được cho từ năm 1990 do đó cần phải trừ ra trước, xong phần còn lại thì mới chia thừa kế theo pháp luật cho các anh em ông D. Phần đất thửa 348 cấp cho hộ gia đình nên phần cụ Ban nên chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Bà L: Thống nhất với bản án sơ thẩm, chia phần đất cho bà và các con cất nhà sinh sống. Các tài sản có trên đất bà không có yêu cầu.

Bà M, ông D trinh bày: Đất thửa 348 là của vợ chông được tặng cho riêng từ ông Lố vì có công khai phá, cải tạo đất cho ông L. Đất thửa 347 khi hòa giải bà Mai đồng ý tách quyền sử dụng đất là chia cho 04 anh em; chứ không phải chia tách cho ông D, bà M với ông D.

Anh D không có ý kiến.

Bà S trình bày: Thống nhất bản án sơ thẩm đúng ý kiến cha mẹ đã phân chia đất nên đề nghị giữ nguyên bản án.

Chị T trình bày: Chị X đã được Tòa án thông báo nhưng không tìm được địa chỉ, do đố thống nhất với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm. Cha mẹ sống chung tuy đến năm 2000 sau đó cũng không đăng ký kết hôn nhưng được mọi người thừa nhận.

Các chị Hải Nh, Hải H, Hải Y trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông D.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp các đương sự thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án xét yêu cầu kháng cáo của ông D là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thành phần những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng thì các đương sự thống nhất không có ai có yêu cầu bổ sung hay khiếu nại.

[2] Về nội dung tranh chấp qua thu thập chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm xác định như sau:

Cụ Võ Văn D(chết tháng 6 năm 1998) và cụ Nguyễn Thị B (chết năm 2007) khi sống chung có 07 người con gồm: Võ Văn X (liệt sĩ, chết trước giải phóng) có vợ tên Nguyễn Thị T (đã chết), con tên Võ Văn B (còn sống), Võ Thị H (còn

sống); Võ Văn Ph (liệt sĩ, không vợ con); Võ Văn D (chết lúc nhỏ); Võ Văn M (chết năm 2018) có vợ tên Phạm Thị Mỹ L, con tên Võ Thị Cẩm T, Võ Công D, Võ Y Ph, Võ Triệu Gi; Võ Văn D (còn sống); Võ Văn D (còn sống); Võ Thị Ngọc S (còn sống).

[2.1] Tài sản tranh chấp thửa đất 347 có nguồn gốc là do cụ D, cụ B khai mở trước năm 1975 nằm cặp kênh Nguyễn Văn T B, có diện tích là 2.625m^2, loại đất cây lâu năm, đất tọa lại tại ấp M, xã Ph. Ngày 15 tháng 11 năm 2000 bà Lê Thị M (là vợ ông Võ Văn D) được cụ Ban cho bà M đi đăng ký; lý do ông D không được cụ Ban cho đi đăng ký vì sợ ông D đứng tên sẽ bán phần đất này.

Ngày 11/6/2001 bà M được cấp đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 347. Cụ Dễ, cụ Ban đã chết nên phần đất thửa 347 là di sản để lại.

[2.2] Đối với thửa đất 348, ông D cho rằng nguồn gốc phần đất thửa đất này là của cụ D, cụ B chết để lại. Ông D, bà M, anh B, bà S và ông T cho rằng phần đất là của riêng bà Mai, ông Diệp; không phải là di sản để chia thừa kế.

[3] Xét thửa đất tranh chấp 348 của theo trình bày của bà Mai, ông Diệp và trình bày của người liên quan ông Nguyễn Văn T(em rễ của ông là ông Mười Bằng R, tên là Võ Văn L) cùng phù hợp với lời trình bày của người làm chứng ông Nguyễn Văn N (sinh năm 1946), ông Đỗ Văn H (sinh năm 1962) cùng địa chỉ ấp M, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp) có đủ cơ sở xác định thửa đất 348 có nguồn gốc là của bà M, ông D được ông Võ Văn L (tức ông Mười Bằng R) quê ở Bình Thuận tặng cho ông D, bà M diện tích 03 công tầm nhỏ; vì ông D, bà M có công khai hoang và cải tạo đất cho ông L. Ông D, bà M canh tác liên tục từ năm 1987 đến ngày bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không ai tranh chấp. Khi bà M đi kê khai phần đất thửa 347 của cụ D, cụ B năm 2000 thì bà M kê khai luôn phần đất của ông L cho năm 1987, nên khi cấp đất ngày 11 tháng 6 năm 2001 thì Nhà nước cấp chung một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 347 (đất lâu năm) và thửa 348 (đất trồng lúa)

Ngoài ra, trong báo cáo số 39/BC-TTr của Thanh tra huyện Th trả lời theo đơn khiếu nại cho ông Võ Văn D về việc cấp đất của bà Lê Thị M, thì chỉ cũng đề cập đến thửa 347 mà không đề cập đến thửa 348; điều đó chính minh khi ông D khiếu nại việc bà Lê Thị M được cấp đất thì chỉ khiếu nại thửa 347 mà không khiếu nại thửa 348. Theo di chúc ông D cung cấp là do cụ D, cụ B lập ngày 22/01/1998 thì hai cụ cũng chỉ đề cập đến thửa 347. Do đó việc ông Dũng nại ra phần đất thửa 348 là của cụ B, cụ D chết để lại là không có căn cứ.

[7] Về hiện trạng sử dụng đất: Phần đất thửa 347 cụ D, cụ B bắt đầu sử dụng đất từ trước năm 1975, đến khoản năm 1990 cụ Ban, cụ D cho ông D một phần đất để cất nhà ở nằm cặp với nhà của cụ D, cụ B; ông D cất nhà ở và sử

dụng phần đất từ năm 1990 cho đến nay. Phần còn lại gồm cái ao và đất và nhà là do cụ D, cụ B sử dụng; sau khi cụ D, cụ B chết thì để lại cái ao, nhà và đất cho con trai út là ông D, con dâu M quản lý sử dụng.

Trong quá trình sử dụng, thì bà M được cụ B cho đi đăng ký kê khai đất năm 2000, đã đăng ký đã bao trùm lên phần đất của ông D được cho từ năm 1990. Đến năm 2008 ông D đi kê khai đăng ký phần đất ông sử dụng thì biết được sự việc, ông D làm đơn khiếu nại và theo kết quả báo cáo số 39/BC-TTr của Thanh tra huyện Tháp Mười, thì việc cấp đất thửa 347 của bà M là không đúng hiện trạng. Đến ngày 01 tháng 3 năm 2012, Ủy ban nhân dân huyện có quyết định số 26/QĐ-UBND huyện thu hồi toàn bộ diện tích đất thửa 347 của bà M đứng tên quyền sử dụng đất năm 2001.

Còn ông Võ Văn M, thì được cụ D, cụ B cho một phần đất thửa 347 (là phần cái ao) để sau này ông M về san lấp cất nhà để ở. Bà S (là con gái út) cũng được cha mẹ cho bà cái nền cặp nhà ông D đang ở, khi nào có nhu cầu thì bà Sương về cất nhà ở. Việc ông M được cụ B, cụ D cho phần đất cái ao được các ông D, bà M, bà S, anh Võ Văn B (con ông X) cùng thừa nhận là có việc cụ D, cụ B cho ông M phần đất cái ao.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn Th (Trưởng ấp M, ông Dương Tấn T chi ủy viên ấp M) trình bày cách nay trên 10 năm, thì Ban nhân dân ấp có nhận được Đơn yêu cầu hòa giải phần đất của cụ D, cụ B chết để lại của ông D. Tại buổi hòa giải có mặt ông D, ông D, bà M, bà S và chồng bà S; nội dung thỏa thuận là phần đất của cụ D, cụ B chia cho 04 người con bằng nhau, vị trí phân chia cụ thể; nhưng ông D yêu cầu tách quyền sử dụng đất, ông D đứng tên luôn phần đất của ông M, khi nào ông M về thì trả lại nhưng bà M, ông D không đồng ý, mà tách ra cho từng người.

[8] Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở để chứng minh phần đất thửa 347 cụ D, cụ B đã được hai cụ chia làm bốn cho các con như ông D, ông M, bà M (ở ngay phần đất cụ B, cụ D đang ở), bà Sương.

Về hiện trạng thửa đất 347 thì ông D đã xây dựng nhà kiên cố, trồng cây và sử dụng đất từ hướng cặp ranh ông Nguyễn Văn T đo qua (sử dụng phần đất thịt); còn đất phần cái ao (chưa ai sử dụng), rồi đến phần nhà của cụ B, cụ D (hiện ông D, bà M đang ở) để thờ cúng, cuối cùng là phần đất trống (cho bà Võ Ngọc S). Các con và cháu của cụ D và cụ B đều thống nhất đúng như vị trí và hiện trạng như lúc trước được cụ D, cụ B còn sống đã chia; nhưng riêng ông D thì ông không đồng ý, tuy đã sử dụng đất đúng vị trí được cụ Dễ, cụ Ban cho ông năm 1990, do ông cho rằng cụ D, cụ B cho ông thửa 347 có chiều ngang 7 tầm x dài 21 tầm theo Tờ di chúc ngày 22/01/1998; nên ông yêu cầu chia thừa kế theo Tờ di chúc này.

[9] Xét ông D yêu cầu chia đất theo Tờ di chúc ngày 22/01/1998. Theo ông Nguyễn Văn Ch (là người viết di chúc dùm cụ D và cụ B) cho rằng: Vào tháng 01/1998 (ông là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã Phú Đ), thì cụ D , cụ Ban có đến Ủy ban nhân dân xã và có nhờ ông có viết di chúc dùm theo ý định hai cụ; còn việc yêu cầu ai ký tên và ký tên khi nào thì ông cũng không biết. Các đương sự trong vụ án không thừa nhận nội dung tờ di chúc.

Đối chiếu theo quy định Điều 659 Bộ luật dân sự 1995 thì di chúc của cụ D, cụ Ban lập ngày 22/1/1998 không có giá trị về mặt pháp lý.

[10] Do đó ông D yêu cầu được chia phần đất thửa 347 theo Tờ di chúc là không có cơ sở để chấp nhận.

[12] Đối với yêu cầu của ông D yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật được hưởng hai phần gồm phần của ông và nhận phần của ông Võ Văn Ph (ông P là liệt sĩ, hiện ông D đang thờ cúng) và yêu cầu nhận đất tiếp giáp với phần đất ông đang xử dụng. Bà L, ông D, bà M, bà S, anh B yêu cầu nếu phần đất thửa 348 là di sản thì yêu cầu được hưởng một phần di sản nhưng nhận giá trị, riêng ông D yêu cầu nhận đất. Ngoài ra, bà M, ông D yêu cầu công nhận thửa đất số 348 là của vợ chồng ông, không phải là di sản; vì phần đất này vợ chồng ông được ông Võ Văn L cho và sử dụng từ năm 1987 cho đến nay mà không ai tranh chấp.

Xét thấy yêu cầu yêu cầu của ông Võ Văn D, bà Lê Thị M yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất thửa 348 là tài sản chung của vợ chồng ông, không phải là di sản là có căn cứ để chấp nhận, vì như đã phân tích ở phần trên, không chấp nhận yêu cầu của ông D yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật (được nhận hai phần) tại thửa đất số 348.

[13] Đối với anh Võ Phi V, Võ Thị Bảo Tr, Võ Phi Tr và Võ Thị Bảo Tr là con của ông Võ Văn D và và Lê Thị M; có đơn đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án; không có yêu cầu tranh chấp và thống nhất theo ý kiến của ông D và bà M nên chấp nhận.

[14] Việc các đương sự còn cho rằng ngoài bà Phạm Thị Mỹ L là vợ của ông M, thì ông M còn có vợ tên là Kiều L (không có con) và vợ tên H (có con tên X); nhưng không biết những người này hiện nay sinh sống và địa chỉ ở đâu và cũng liên lạc được. Do đó xét thấy ông M, vợ và các con của ông M chỉ được hưởng một phần diện tích đất (theo hiện trạng là cái ao) nên sau này có tranh chấp phần đất giao cho ông M (là phần cai ao) mà đại diện là bà L, các con của ông M và bà Linh đang khởi kiện sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật. Cho nên, phần diện tích đất tranh chấp (là cái ao). Giao cho bà Mỹ L, chị T, anh D, Võ Y Ph, Võ Triệu G đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

[15] Đối với yêu cầu của ông D, bà M yêu cầu được quản lý và đứng tên phần diện tích đất nhà mồ (hiện có mộ của cụ B, cụ D và ông M). Do hiện ông D, bà M đang thờ cúng cụ Ban, cụ D (ông D là con trai út) nên chấp nhận.

[17] Đối với cây trồng, vật kiến trúc và công trang sửa trên đất, tại phần đất tranh chấp thuộc thửa 347, 348 theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố bị đơn và yêu cầu chia thừa kế của các đương sự trong vụ án; thì các đương sự trong vụ án không có yêu cầu giải quyết; nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[18] Ngoài ra, thửa đất 347 là di sản chia thừa kế theo pháp luật theo quy định là chia đều cho các đồng thừa kế; nhưng do hiện trạng các bên đương sự sử dụng đất nhiều hơn hoặc ít hơn diện tích đất được chia theo quy định; các đương sự trong vụ án cũng thống nhất phần đất nào mà đương sự được nhận dính vào vật kiến trúc thì tự nguyện dời qua để không trúng vật kiến trúc của người khác, cụ thể ông D bà M, ông D sẽ nhận diện tích đất nhiều hơn so với bà L và bà S. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, nên chấp nhận.

[8] Đồng thời căn cứ vào đây quyết định các khoản chi phí, án phí dân sự sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm ông D kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

[9] Qua các chứng cứ có trong hồ sơ và thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm. Ông D không cung cấp chứng cứ tài liệu gì mới. Đối với nhưng nội dung yêu cầu kháng cáo ông D nêu ra Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy ông D cũng đã trình bày, yêu cầu được giải quyết và đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết đúng quy định pháp luật. Nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông D. Tuy nhiên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên việc phân chia đất được thực hiện theo Sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc B ngày 28/5/2020; Mãnh trích đo địa chính của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc B ngày 01/6/2021; Mãnh trích đo địa chính của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc Bảo L ngày 20/01/2022 là khó khăn cho việc thi hành án. Qua kiểm tra các đương sự thống nhất là lần đo trích sơ đồ ngày 20/01/2022 là thể hiện đầy đủ yêu cầu đương sự và việc phân chia nên ghi rõ lại cho thuận tiện việc thi hành án.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Về chi phí, án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông D phải chịu án phí phúc thẩm. Nhung do ông D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn D*

- *Giữ nguyên bản án sơ thẩm.*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ L, Võ Thị Cẩm T, Võ Công D, Võ Y Ph và Võ Triệu Gi (là người thừa kế của ông Võ Văn M) về việc yêu cầu được sử dụng và đứng tên diện tích 291,9m^2, thuộc một phần thửa 347, tờ bản đồ số 7, (loại đất LNK); đất tọa lạc tại ấp Mỹ, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Trong phạm vi các mốc: Mốc MD- F3-F2- F1-M16-M8-MD.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Võ Văn D về việc yêu cầu chia thừa kế tại thửa 347 tờ bản đồ số 7; đất tọa lạc tại ấp M, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Ông Võ Văn D được sử dụng và đứng tên diện tích đất là 453,9m^2; trong phạm vi các mốc: F3-ME-MF-M10-M11-M13-F1-F2-F3 (thuộc một phần thửa 347, tờ bản đồ số 7, loại đất LNK); đất tọa lạc tại ấp M, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Võ Văn Di, bà Lê Thị M về việc yêu cầu chia thừa kế tại thửa 347 tờ bản đồ số 7; đất tọa lạc tại ấp M, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Ông Võ Văn D, bà Lê Thị M được sử dụng và cùng đứng tên diện tích đất là 616,1m^2; trong phạm vi các mốc: MD-M15-M14-F6-F5-F4-MC-MD (thuộc một phần thửa 347, tờ bản đồ số 7, loại đất LNK); đất tọa lạc tại ấp M, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Võ Văn D, bà Lê Thị M được cùng đứng tên phần đất khu mộ diện tích đất là 49,4m^2; trong phạm vi các mốc: M16-F1-M13-M14-M16 (thuộc một phần thửa 347, tờ bản đồ số 7, loại đất LNK); đất tọa lạc tại ấp M, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn D, bà Lê Thị M về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thửa 348, tờ bản đồ số 7, loại đất lúa, diện tích đo đạc thực tế 3.167m^2; đất tọa lạc tại ấp M, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Ngọc S (Võ Ngọc S) về việc yêu cầu chia thừa kế tại thửa 347 tờ bản đồ số 7; đất tọa lạc tại ấp M, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Bà Võ Thị Ngọc S (Võ Ngọc S) được sử dụng và

đứng tên diện tích đất là 341,6m^2; trong phạm vi các mốc: MA-MB-F4-F5-F6-M1-M2-M3-M5-MA (thuộc một phần thửa 347, tờ bản đồ số 7, loại đất LNK); đất tọa lạc tại ấp M, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn D về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc tại thửa 347, tờ bản đồ số 7, loại đất LNK; đất tọa lạc tại ấp M, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn D về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật (yêu cầu nhận hai phần di sản thừa kế) tại thửa 348, tờ bản đồ số 7, loại đất lúa; đất tọa lạc tại ấp M, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Hiện trạng đất theo Biên bản xem xét, thẩm định ngày 04/3/2020, ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án và Sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc B ngày 28/5/2020; Mãnh trích đo địa chính của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc B ngày 01/6/2021; Mãnh trích đo địa chính của Công ty TNHH dịch vụ và đo đạc B ngày 20/01/2022).

Bà Phạm Thị Mỹ L, Võ Thị Cẩm T, Võ Công D, Võ Y Ph và Võ Triệu Gi (là người thừa kế của ông Võ Văn M); ông Võ Văn D; ông Võ Văn D, bà Lê Thị M; bà Võ Thị Ngọc S (Võ Ngọc S) có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với các phần đất diện tích nói trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Võ Văn D, ông Võ Văn D, bà Lê Thị M, bà Phạm Thị Mỹ L, bà Võ Ngọc S được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (do ông Võ Văn D, ông Võ Văn D, bà Lê Thị M, bà Phạm Thị Mỹ L, bà Võ Ngọc S là người cao tuổi).

+ Anh Võ Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 1.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ theo biên lai số 0001776, ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười (do ông Võ Văn D nộp thay).

+ Bà Phạm Thị Mỹ L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 6.372.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ, theo biên lai số 0006970, ngày 02/12/2019; biên lai số 0001769, ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười (do chị Võ Thị Cẩm T nộp thay).

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ:

+ Ông Võ Văn D phải chịu 3.200.000 đồng, tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chổ (đã nộp xong).

+ Ông Võ Văn D ông Võ Văn D, bà Lê Thị M, bà Phạm Thị Mỹ L, bà Võ Ngọc S cùng phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chổ là 3.343.000 đồng, nhưng do bà Linh đã nộp tạm ứng và đã chi xong. Nên ông Võ Văn D, ông Võ Văn D, bà Lê Thị M, Võ Thị Ngọc S (Võ Thị Ngọc S) mỗi người phải chịu 836.000 đồng, để trả lại cho bà Phạm Thị Mỹ L.

10. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn D được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV&THA Tỉnh;
- Tòa án ND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Chí Tâm